

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27/8/2020

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thanh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Miên, Ông Rơ Lan Ty.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/8/2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2020/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ú, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thanh T, xã Ia K, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1981 (Vắng mặt không có lý do)

Địa chỉ: Thôn Đồng T 1, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn, chị Lê Thị Ú trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy H, huyện Chương M, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2007. Sau khi kết hôn, hai người sinh sống tại thôn Đồng T 1, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống có hạnh phúc với nhau 05 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, đã sống ly thân nhiều năm nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không thể níu kéo được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

-Về con chung: Có 03 con chung gồm: Trần Tuấn A, sinh ngày 27/5/2007, Trần Long H, sinh ngày 11/11/2008 và cháu Trần Khả N, sinh ngày 26/10/2016. Hiện các

cháu đang sống cùng chị Ú, nguyện vọng được nuôi cả 03 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Nghề nghiệp của chị hiện nay là làm công nhân của Công ty bao bì, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 10.000.000đ nên có đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Còn anh H thì mới đi chấp hành án về nhưng lại nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định, không có đủ khả năng để nuôi con, nên chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị Ú có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy H, huyện Chương M, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn như chị Ú trình bày. Quá trình sống chung với nhau, có xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên sống ly thân nhau nhiều năm nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị Ú xin ly hôn thì anh cũng hoàn toàn nhất trí.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm Trần Tuấn A, sinh ngày 27/5/2007, Trần Long H, sinh ngày 11/11/2008 và cháu Trần Khả N, sinh ngày 26/10/2016. Đề nghị trực tiếp nuôi cháu A và cháu H, giao cháu N cho chị Ú nuôi dưỡng.

Nghề nghiệp của anh làm nông, thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000đ, nên anh có đủ khả năng và điều kiện nuôi con nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ*

- 01 Sổ hộ khẩu (photo chứng thực);
- 01 chứng minh nhân dân (photo chứng thực);
- 01 Giấy khai sinh (Bản sao); 01 Trích lục khai sinh (Bản sao)
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính);
- 01 Đơn đề nghị xác nhận.

#### **Tại phiên tòa:**

\* Các đương sự đều vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

#### **\* Kiểm sát viên phát biểu:**

-Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về nội dung giải quyết vụ án:

+Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân - Gia đình. Xử cho chị Ú được ly hôn với anh H.

+Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Hiện cả 03 cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 27/5/2007, Trần Long H, sinh ngày 11/11/2008 và cháu Trần Khả N, sinh ngày 26/10/2016 đang ở với chị Ú. Anh H có mắc nghiện ma túy, nên đề nghị giao cả 03 cháu (A, H, N) cho chị Ú nuôi dưỡng, không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xử lý.

+Về án phí: Đề nghị buộc chị Ú phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ để nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Ú khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Trần Văn H. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”. Do đó Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xử lý việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Lê Thị Ú có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ú, anh H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nguyên nhân tranh chấp và yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Ú và anh H có trải qua thời gian yêu thương, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy H, huyện Chương M, tỉnh Hà Tây (nay là Tp. Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/02/2007. Quá trình chung sống các bên thừa nhận có mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau nhiều năm nay. Nên chị Ú yêu cầu ly hôn, anh H cũng đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn của các đương sự đã thực sự trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân - Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị Ú, tuyên xử cho các đương sự ly hôn là có căn cứ.

[4] Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Chị Lê Thị Ú và anh Trần Văn H công nhận có 03 con chung gồm Trần Tuấn A, sinh ngày 27/5/2007, Trần Long H, sinh ngày 11/11/2008 và cháu Trần Khả N, sinh ngày 26/10/2016, hiện cả 03 cháu đang sống cùng chị Ú. Theo nguyện vọng của cháu A và cháu H mong muốn được ở với chị Ú nuôi dưỡng, còn cháu N là con gái và còn quá nhỏ. Hội đồng xét xử xét cần giao cả 03 cháu (A, H, N) cho chị Ú nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của các cháu (A và H). Do chị Ú không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, cần buộc chị Ú chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn để sung ngân sách Nhà nước.

**Vì các lẽ trên,**

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ú.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ú được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Giao cả 03 cháu Trần Tuấn A, Trần Long H và Trần Khả N cho chị Lê Thị Ú trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Vì quyền và lợi ích của các con, chị Út và anh H có quyền yêu cầu giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật..

3. Buộc chị Lê Thị Ú phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008154 ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Thời hạn kháng cáo của đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TA tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Thụy H;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Thanh**